

NHÌN LẠI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM QUA CUỐN SÁCH “55 NĂM KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM: PHÂN TÍCH TỪ DỮ LIỆU SCOPUS”

Tạ Ngọc Thúy¹
Phạm Thị Oanh²

¹Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: tangocthuy989@gmail.com

²Edlab Asia
Email: oanhpham.241191@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcncckhpt.v1i2.24>

Khoa học Giáo dục Việt Nam đã trải qua hơn 60 năm phát triển kể từ những nền móng đầu tiên khi Viện Nghiên cứu Giáo dục Việt Nam (nay là Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam) được thành lập vào năm 1961. Trong suốt chiều dài đó, khoa học giáo dục Việt Nam đã có sự phát triển và hội nhập mạnh mẽ cùng với xu thế chung của nền khoa học Việt Nam. Cuốn sách “55 năm Khoa học Giáo dục Việt Nam: Phân tích từ dữ liệu Scopus” với sự hợp tác của Nhóm nghiên cứu Reduvation (Trường Đại học Thành Đô) và Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Giáo dục Edlab Asia vừa được Công ty cổ phần sách Omega Việt Nam xuất bản đã cung cấp tổng quan về sự phát triển Khoa học Giáo dục Việt Nam trong suốt chiều dài phát triển. Cuốn sách bao gồm hai chương chính với 132 trang đã cung cấp thông tin về khoa học giáo dục Việt Nam dựa trên những công bố quốc tế trong lĩnh vực này được chỉ mục trên cơ sở dữ liệu khoa học Scopus trong giai đoạn từ 1966 – 2020 thông qua phương pháp phân tích trắc lượng thư mục (bibliometric). Qua đó, nhóm tác giả đã giới thiệu về bức tranh phát triển của khoa học giáo dục Việt Nam như số lượng công bố, cộng đồng nghiên cứu, các nguồn tạp chí, mạng lưới hợp tác phát triển, các đơn vị nghiên cứu và các chủ đề, lĩnh vực nghiên cứu được các nhà khoa học giáo dục Việt Nam tập trung phát triển trong những năm qua. Phân tích trắc lượng thư mục là phương pháp được sử dụng rộng rãi trong trắc lượng khoa học. Phân tích trắc lượng thư mục giúp các nhà khoa học có thể phân tích được xu thế nghiên cứu của các lĩnh vực, so sánh sản phẩm khoa học giữa các

nhóm nghiên cứu và các đơn vị khác.

Trong suốt mười một năm đầu tiên, từ 1966 đến 1974, chỉ có duy nhất một ấn phẩm khoa học giáo dục Việt Nam được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu Scopus của tác giả Nghiêm Đăng (Học viện Hành chính Quốc gia Sài Gòn). Trong ấn phẩm này, tác giả đã thảo luận về những kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành cần có trong chương trình đào tạo cán bộ hành chính. Từ 1975 đến 2005, số lượng công bố của các nhà khoa học giáo dục Việt Nam bắt đầu tăng dù không đáng kể. Trong giai đoạn này chỉ có 56 tài liệu được công bố, chiếm khoảng 4% tổng số công bố được ghi nhận. Khoa học Giáo dục Việt Nam chỉ thực sự có sự phát triển vượt bậc bắt đầu từ 2006. Trong vòng 10 năm, từ 2006 đến 2015, số công bố được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu Scopus cao gấp 5 lần tổng số công bố trong giai đoạn trước đó với 325 công bố. Giai đoạn từ 2015 đến 2020 ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ với tốc độ tăng hàng năm lên tới 50%. Năm 2020 ghi nhận số công bố nhiều hơn tổng số tài liệu đã xuất bản trong giai đoạn trước đó (397 so với 325 tài liệu).

Kết quả phân tích cho thấy, có 2.526 tác giả đã tham gia đóng góp cho sự phát triển của khoa học giáo dục Việt Nam giai đoạn từ 1966 đến 2020, chủ yếu trong vài năm gần đây. Trong số các tác giả này, Các tác giả lớn trong cụm nghiên cứu lớn nhất của lĩnh vực (515 thành viên) có thể kể đến như Trần Thị Lý (Đại Học Deakin, Úc), Nguyễn Thị Mai Hoa (Đại học New South Waves, Úc), Trần Trung (Học viện Dân tộc), Lê Vi Nhuận (Đại học Chicago). Trong những năm qua, cộng đồng

ngiên cứu khoa học giáo dục Việt Nam cũng được mở rộng cùng với sự phát triển và kết nối của các nhóm nghiên cứu mới. Khoa học giáo dục Việt Nam cũng ghi nhận sự đóng góp đáng kể từ học giả các quốc gia khác. Trong tổng số 2.526 tác giả được ghi nhận, chỉ có 56,90% tác giả chính ghi danh tại Việt Nam và 39,37% tác giả chính là người có liên hệ với các cơ sở giáo dục tại Việt Nam.

Về chủ đề nghiên cứu, các lĩnh vực nghiên cứu được các nhà khoa học giáo dục Việt Nam tập trung công bố là Dạy và Học; Nghiên cứu; Quản lý, lãnh đạo và chính sách. Trong khi đó các lĩnh vực Kinh tế Giáo dục và Giáo dục đặc biệt chưa nhận được sự chú ý tương xứng của các nhà Khoa học Giáo dục Việt Nam. Trong những năm gần đây, các chủ đề bao gồm Khả năng tuyển dụng, Ý định khởi nghiệp, Giáo dục Toán học, Học tập trực tuyến, Nghiên cứu về thành niên và Giáo dục STEM được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Giáo dục đại học vẫn là bậc học có nhiều công bố nhất, trong khi đó Giáo dục trẻ em sớm và Giáo dục nghề nghiệp chưa được quan tâm đúng mực. Về cấp học, Giáo dục phổ thông là cấp học được quan tâm nhiều nhất, theo đó là Giáo dục đại học, Giáo dục suốt đời, Giáo dục đầu đời, Tổng hợp nhiều cấp học và cuối cùng là Giáo dục nghề nghiệp. Phương pháp nghiên cứu định lượng vẫn chiếm vai trò chủ đạo trong các nghiên cứu khoa học giáo dục Việt Nam, tiếp theo là phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu tổng quan, phương pháp nghiên cứu hỗn hợp là phương pháp ít được sử dụng nhất trong các nghiên cứu có trong phân tích.

Về cơ sở nghiên cứu, các trường đại học đóng vai trò chủ đạo trong công bố khoa học giáo dục. Đại học Quốc gia Hà Nội là đơn vị dẫn trong trong lĩnh vực Khoa học Giáo dục về cả số lượng công và số lượt trích dẫn (55 công bố và 540 trích dẫn). Theo sau đó là các đơn vị, bao gồm: Trường Đại học Tôn Đức Thắng (33 công bố và 143 trích dẫn), Trường Đại học Cần Thơ (27 công bố và 172 trích dẫn), Học viện Dân tộc (25 công bố và 75 trích dẫn). Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục quốc tế cũng đóng góp đáng kể vào hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục Việt Nam như Đại học Deakin,

Đại học Monash (Úc), Đại học California (Mỹ)...

Về mạng lưới hợp tác quốc tế, trong những năm vừa qua, các nhà khoa học Việt Nam đã hợp tác với các nhà khoa học đến từ 58 quốc gia trên thế giới. Các nhóm đối tác của Khoa học Giáo dục Việt Nam bao gồm Hoa Kỳ, Anh, Thái Lan, Nhật Bản (đối tác truyền thống) và Pháp, Bỉ, Ý, Phần Lan, Malaysia (đối tác mới).

Các nghiên cứu về khoa học giáo dục Việt Nam được công bố trên 124 tạp chí thuộc các lĩnh vực khác nhau nhưng chủ yếu vẫn là thuộc lĩnh vực giáo dục và khoa học xã hội. Tạp chí Universal Journal of Educational Research là tạp chí được ghi nhận là tạp chí có nhiều công bố nhất với 27 ấn phẩm, theo sau đó là Journal of Asian Finance, Economics and Business. Ngoài ra, nhóm 10 nguồn công bố nhiều nhất các nghiên cứu khoa học giáo dục Việt Nam cũng ghi nhận tạp chí Academic Medicine chuyên về y học và giáo dục. Đây cũng là tạp chí có số lượng trích dẫn nhiều nhất được ghi nhận với 259 lượt trích dẫn từ 11 nghiên cứu được công bố.

Cuốn chuyên khảo “55 năm Khoa học Giáo dục Việt Nam” đã phân tích những chủ đề nghiên cứu - tức là những nội dung nghiên cứu góp phần hình thành hệ thống khái niệm, lý thuyết và phương pháp của Khoa học Giáo dục Việt Nam. Trong lời đề tựa của cuốn sách, GS.TS Nguyễn Quý Thanh, Hiệu trưởng trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội đã bày tỏ sự tin tưởng với ấn phẩm này, đánh giá cuốn sách là “một tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh các ngành Khoa học Giáo dục và rộng hơn là các nhà làm nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách giáo dục của Việt Nam”. Bên cạnh những kết quả đạt được, ấn phẩm này chưa bao gồm các nghiên cứu Khoa học Giáo dục trong nước và của người nước ngoài ở Việt Nam cũng như người nước ngoài ở nước ngoài. Các nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung phân tích những đặc điểm này để có thể mang lại bức tranh toàn cảnh hơn nữa về sự phát triển khoa học giáo dục Việt Nam trong những năm tiếp theo.